

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC sơ bộ 6 tháng: ngày 20 tháng 6 năm báo cáo
BC sơ bộ năm: Ngày 20 tháng 11 năm báo cáo
BC tròn năm: Ngày 20 tháng 01 năm sau

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày tháng năm
đến ngày tháng năm
.....)

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kế
hoạch - Tài chính)

[illegible]

...										
-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

*** Ghi chú:**

**Người lập
biểu**

(Ký, ghi rõ
họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên,
chức vụ)

..., ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ,
tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 09b/TP/CT

(Kết quả chứng thực)

1. Khái niệm

* Biểu mẫu số 09b/TP/CT: phản ánh kết quả chứng thực trong kỳ báo cáo trên địa bàn tỉnh/thành phố.

* Giải thích thuật ngữ:

- Chứng thực bản sao gồm:

+ Chứng thực bản sao từ bản chính được quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

+ Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính được quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản: là việc UBND cấp xã chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực.

- Chứng thực chữ ký người dịch: là việc UBND cấp xã chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản được dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài là chữ ký của người yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch.

- Chứng thực hợp đồng, giao dịch: là việc UBND cấp xã chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

- Phí chứng thực bản sao là số phí mà người yêu cầu chứng thực phải nộp khi yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính. Mức thu phí được quy định tại Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

- Phí chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là số phí mà người yêu cầu chứng thực phải nộp khi yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản. Mức thu phí được quy định tại Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

- Phí chứng thực chữ ký người dịch là số phí mà người yêu cầu chứng thực phải nộp khi yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch. Mức thu phí được quy định tại Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

- Phí chứng thực hợp đồng, giao dịch là số phí mà người yêu cầu chứng thực phải nộp khi yêu cầu chứng thực hợp đồng, giao dịch. Mức thu phí được quy định tại Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

2. Cách ghi biểu

- Cột (1) ghi số lượng bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định Nghị định số 23/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP và số lượng bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Cột (2) là cột thành phần của Cột (1) (cột (2) $\leq$ cột (1)).

- Cột (4) ghi số việc chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản do UBND cấp xã thực hiện trong kỳ báo cáo. Số việc được tính theo số giấy tờ, văn bản người yêu cầu chứng thực đã ký và đã được chứng thực. Ví dụ: 01 người ký trong 05 loại giấy tờ, văn bản (kể cả trong trường hợp 05 giấy tờ, văn bản có nội dung giống nhau) thì thống kê là 05 việc, trường hợp 05 người ký tên trong 01 văn bản (ví dụ: biên bản họp gia đình) thì thống kê là 01 việc.

- Cột (6) ghi số việc chứng thực chữ ký người dịch do UBND cấp xã thực hiện trong kỳ báo cáo. Số việc được tính theo số giấy tờ, văn bản người người dịch (đồng thời là người yêu cầu chứng thực) đã ký và đã được chứng thực. Ví dụ: 01 người dịch (đồng thời là người yêu cầu chứng thực) đã ký trong 05 loại giấy tờ, văn bản đã được dịch và yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch (kể cả trong trường hợp 05 giấy tờ, văn bản có nội dung giống nhau) thì thống kê là 05 việc.

- Cột (8) số việc chứng thực hợp đồng, giao dịch được tính theo số hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực. Ví dụ: 01 người yêu cầu chứng thực một hợp đồng, giao dịch (mặc dù có thể yêu cầu thêm bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực) vẫn được thống kê là 01 việc.

- Riêng biểu mẫu số 09b/TP/CT:

+ Sau khi rà soát, kiểm tra tính chính xác của số liệu, Sở Tư pháp tổng hợp chi tiết báo cáo của từng UBND cấp xã vào các cột tương ứng và cộng dòng tổng từng cột.

+ Trường hợp có những vấn đề cần làm rõ về nội dung số liệu thống kê thì thuyết minh tại cột (10).

3. Nguồn số liệu

Biểu mẫu số 09b/TP/CT: Tổng hợp từ biểu mẫu số 09a/TP/CT.